

Bản án số: 81/2020/HS-ST

Ngày 30-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Ngọc Biên

2. Ông Nguyễn Hải Lý

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1997 tại xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Nguyễn Xuân T.

Nơi ĐKKH và nơi ở: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 7/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Xuân N (đã chết); con bà Bạch Thị H, sinh năm 1970; vợ: Vũ Thị L, sinh năm 1993, con: 01 con sinh năm 2018; tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 09/2019/HSST ngày 15/03/2019 của TAND huyện Yên Dũng xử phạt 08 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 04/08/2019.

Nhân thân: Bản án số 03/2016/HSST ngày 29/01/2016 của TAND huyện Yên Dũng xử phạt 09 tháng tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Bản án số 13/2016/HSST ngày 21/04/2016 của TAND huyện Yên Dũng xử phạt 12 tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt với bản án số 03/2016 ngày 29/01/2016 của TAND huyện

Yên Dũng buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án là 21 tháng tù giam. Chấp hành xong ngày 21/07/2017; Ngày 12/11/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang khởi tố và tạm giam về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/07/2020 đến 04/8/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Ong Thế A**, sinh năm 1997 tại xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKK và nơi ở: Thôn T, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Ong Thế K (đã chết); con bà Hoàng Thị H, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông Phạm Văn C, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Bà Lê Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: Số N, phường M, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

+ Chị Vũ Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

+ Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố số B, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác là Nguyễn Xuân T), sinh năm 1997, trú tại thôn T, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang và bị cáo Ong Thế A, sinh năm 1997 trú tại thôn T, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang có quan hệ quen biết nhau qua các mối quan hệ xã hội.

Khoảng 20 giờ ngày 08/05/2020, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98D1-717.96 là xe của chị Vũ Thị L, sinh năm 1993, là vợ của T đến nhà của Thế A chơi. Tại đây T đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân nên đã rủ Thế A cùng đi trộm cắp tài sản thì Thế A đồng ý. Đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 09/05/2020, Thế A điều khiển xe mô tô của T chở T đi sang xã T, huyện Yên Dũng để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến thôn P, xã T, huyện Yên Dũng thì Trang phát hiện thấy nhà ông Phạm Văn C, sinh năm 1958 có tường bao thấp nên bảo Thế A dừng xe lại ở ngoài cánh giới, còn T vào trộm cắp tài sản. T cầm theo một chiếc bao tải nhét ở ven đường trên đường đi rồi trèo tường bao vào trong đi đến khu vực nuôi nhốt gà trộm cắp 07 con gà cho vào trong bao rồi đem ra ngoài, đưa cho Thế A để vào chỗ để chân của người lái rồi Thế A dắt xe đi bộ để tìm nhà nào có tài sản trộm cắp tiếp. Đi được khoảng 10 mét thì T thấy một ngõ, Trang bảo Thế A đứng ở đầu ngõ cánh giới còn T đi vào bên trong xem có nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi vào trong ngõ, đến nhà bà Lương Thị N, sinh năm 1964, Trang phát hiện thấy có điện sáng, bờ tường thấp nên T trèo tường vào trong đến khu vực cửa phụ thì thấy cửa chỉ cài then bên trong không khóa. T luồn tay qua ô thoáng cửa để mở then ngang phía trong rồi đi vào trong nhà phát hiện thấy có một chiếc điện thoại di động để trên bờ tường gần giường ngủ. Đó là chiếc điện thoại của bà Phạm Thị N, sinh năm 1968 ở số nhà 549/85/22, đường L, phường M, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (bà N là em chồng của bà N đến chơi). Trang vào trộm cắp chiếc điện thoại di động đó đem ra ngoài sau đó cùng Thế A đi về nhà Thế A ngủ. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, T cùng Thế A đem số gà trộm cắp được ra chợ ở Thị trấn N, huyện Yên Dũng bán cho một người phụ nữ không quen biết được 750.000đ. Còn chiếc điện thoại trộm cắp của bà N, do bị khóa mật khẩu nên T đem về đưa cho chị Vũ Thị L đem đến cửa hàng điện thoại di động M của anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1983, ở Tiểu khu B, Thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang làm chủ để sửa.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, bà Lê Thị N và bà Phạm Thị N đã có đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng (BL 110).

Ngày 19/05/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã thu giữ tại nhà anh Nguyễn Văn M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony Z2, màu đen do T cùng Thế A trộm cắp của bà Nho (BL 134);

Ngày 21/05/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã thu giữ chiếc xe mô tô 98D1-717.96 là xe T sử dụng để đi trộm cắp tài sản (BL 65);

Tại kết luận định giá số 72 và số 73 cùng ngày 02/07/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Chiếc điện thoại di động

nhãn hiệu Sony Z2, màu xanh đen tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 2.352.000đ; 07 con gà, loại gà ta có tổng trọng lượng là 12 kg tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 780.000 đồng (BL 77-78, 86-87)

Ngày 17/09/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã trả lại cho bà Lương Thị N (do bà Phạm Thị N ủy quyền) chiếc điện thoại Sony Z2, màu xanh đen; Ông Thế A bồi thường 900.000 đồng cho bà N, bà N đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Ông C không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự (BL 39; 104-105; 190-191).

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 98D1-717.96, qua điều tra xác định là của chị Vũ Thị L, chị L khai T lấy đi chơi không biết T sử dụng để làm phương tiện phạm tội. Ngày 17/6/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã trả lại cho chị L chiếc xe trên (Bl 68).

Đối với chị Vũ Thị L có hành vi đem chiếc điện thoại di động do T trộm cắp đến sửa tại cửa hàng nhà anh M, nhưng chị L không biết đó là tài sản do trộm cắp, anh M không biết đó tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với người phụ nữ mua 07 con gà mà Trang và Thế A đã trộm cắp của ông C, do T và Thế A không biết tên và địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra có căn cứ để xử lý;

Quá trình điều tra, bị can Nguyễn Văn T khai bản thân bị can có tên là Nguyễn Xuân T, tên gọi khác là Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 chứ không phải sinh năm 1997. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã tiến hành thu thập các tài liệu và tiến hành trưng cầu giám định đến Viện khoa học hình sự - Bộ công an để giám định về độ tuổi của T. Tại bản kết luận giám định số 7650/C09-TT1 ngày 09/11/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: "Căn cứ mức độ phát triển của thể chất, sự phát triển và cốt hóa của các xương, khám chuyên khoa và xét nghiệm, xác định độ tuổi của Nguyễn Xuân T tại thời điểm giám định (tháng 10 năm 2020) là: từ 22-24 tuổi". Do vậy, việc T khai sinh năm 1995 và các tài liệu thể hiện T sinh năm 1995 là không có căn cứ.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Xuân T) và bị cáo Ông Thế A thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 77/CT-VKSĐYD ngày 25/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Xuân T) và bị cáo Ông Thế A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173- Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, các bị cáo không bị oan. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Xuân T) và bị cáo Ong Thế A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Xuân T) từ 08 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 15/7/2020 đến ngày 04/8/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Ong Thế A từ 07 tháng đến 09 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo Ong Thế A cho UBND xã Cảnh T giám sát và quản lý trong thời gian thử thách.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Ong Thế A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra, đại diện VKSND huyện Yên Dũng còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 0 giờ ngày 09/05/2020, tại thôn P, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, bị cáo Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Xuân T) và bị cáo Ong Thế A đã có hành vi trộm cắp 07 con gà ta có tổng trọng lượng 12 kg, trị giá 780.000đ của ông Phạm Văn C, sinh năm 1958 và trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony Z2 trị giá 2.352.000đ của bà Phạm Thị N, sinh năm 1968, ở đường số N, phường M, quận G, TP Hồ Chí Minh đến chơi đề tại nhà bà Lương Thị N, sinh năm 1964, ở thôn P, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Tổng giá trị tài sản T và Thế A chiếm đoạt của ông C và bà N là 3.132.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi được chiếc điện thoại trả lại cho bà Phạm Thị N, còn 07 con gà của gia đình ông C, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

[3] Xét tính chất của vụ án: Vụ án này có 02 bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Ngày 09/5/2020, hai bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp với tổng trị giá tài sản là 3.132.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173- Bộ luật hình sự. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng Điều 17, Điều 58 khi quyết định hình phạt.

[4] Xét vai trò phạm tội của từng bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T có vai trò chính bởi lẽ bị cáo là người nảy sinh ý định và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Ong Thế A có vai trò đứng thứ hai trong vụ án khi đã tích cực giúp sức với vai trò cảnh giới để T trộm cắp được tài sản.

[5] Xét về tiền án và nhân thân của các bị cáo:

Tiền án: Bản án số 09/2019/HSST ngày 15/03/2019 của TAND huyện Yên Dũng xử phạt T 08 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 04/08/2019.

Nhân thân: Bản án số 03/2016/HSST ngày 29/01/2016 của TAND huyện Yên Dũng xử phạt T 09 tháng tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Bản án số 13/2016/HSST ngày 21/04/2016 của TAND huyện Yên Dũng xử phạt T 12 tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt với bản án số 03/2016 ngày 29/01/2019 của TAND huyện Yên Dũng buộc bị cáo T chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án là 21 tháng tù giam. Chấp hành xong ngày 21/07/2017; Ngày 12/11/2020, Trang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang khởi tố và tạm giam về tội "Trộm cắp tài sản".

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã phạm tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng là “tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo T và bị cáo A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo A đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 900.000 đồng và bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A, bị cáo A phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[8] Xét thấy, bị cáo T là người có nhân thân xấu, bị cáo đã bị Tòa án xét xử về hành vi trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đã có thời gian chấp hành án tại trại giam. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà tiếp tục rủ rê bị cáo A cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Chứng tỏ bị cáo là đối tượng khó giáo dục nên cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo T mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Như vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội như đại diện VKSND huyện đã phát biểu về đường lối giải quyết vụ án.

[9] Bản thân bị cáo Ong Thế A xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo

ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[10] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm do các bị cáo thực hiện, lẽ ra phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, HĐXX thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[12] Đối với chị Vũ Thị L đã có hành vi cho bị cáo T mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1-717.96, tuy nhiên chị L không biết T lấy chiếc xe mô tô của chị để sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[13] Đối với anh Nguyễn Văn M đã nhận sửa chữa chiếc điện thoại mà T trộm cắp mà có do chị L mang đến, tuy nhiên anh M không biết chiếc điện thoại đó là do bị cáo T trộm cắp mà có nên cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[14] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Ong Thế A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Xuân T) và bị cáo Ong Thế A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Xuân T) 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/7/2020 đến ngày 04/8/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Ong Thế A 07 (bảy) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo Ong Thế A cho UBND xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

- *Về án phí:* Áp dụng Điều 135, 136 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Xuân T) và bị cáo Ong Thế A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, 332 và 333- BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi Cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán

Nguyễn Ngọc Oanh